

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG KIM TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 803/UBND- KTHT&ĐT

Kim Trà, ngày 18 tháng 3 năm 2026

V/v chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiêu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế))

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2

UBND phường Kim Trà nhận được Tờ trình số 173/TTr-BQLDAKV2 ngày 10/3/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2 về việc đề nghị thẩm định, chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiêu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế)).

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Huế ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2026 của UBND thành phố Huế về chủ trương đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án mở rộng cao tốc Bắc- Nam phía Đông, đoạn Cam Lộ- La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế), Dự án: Khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế;

Sau khi xem xét Tờ trình số 173/TTr-BQLDAKV2 ngày 10/3/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2 kèm hồ sơ Quy hoạch Tổng mặt bằng (Tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế) do Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển công nghệ BTECCO lập, UBND phường Kim Trà chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế với các nội dung chính như sau:

I. HỒ SƠ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG:

- Tên hồ sơ Quy hoạch: Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế)).

- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch và trình chấp thuận: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Cổ phần xây dựng và phát triển công nghệ BTECCO.

- Hồ sơ bao gồm: Thuyết minh, Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế) và các văn bản pháp lý khác kèm theo.

II. NỘI DUNG:

1. Vị trí, phạm vi, quy mô quy hoạch.

1.1. Vị trí, phạm vi lập quy hoạch:

Khu đất lập quy hoạch hiện thuộc khu vực phường Kim Trà, thành phố Huế (TDP Thượng Khê, phường Kim Trà)

+ Phía Tây Bắc giáp khu dân cư hiện trạng.

+ Phía Nam giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Đông giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Tây giáp đất nông nghiệp.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: Khoảng 1,05ha.

- Quy mô dân số lập quy hoạch: khoảng 115 người.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ:

2.1. Mục tiêu của đồ án:

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để bố trí tái định cho các hộ dân bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án mở rộng cao tốc Bắc – Nam phía Đông, đoạn Cam Lộ - La Sơn.

- Tạo lập quỹ đất ở mới kết hợp với chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng.

2.2. Tính chất:

Là khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn, được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại kết nối với khu dân cư hiện có, nhằm ổn định cuộc sống của người dân.

2.3. Nhiệm vụ của đồ án:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch có liên quan đến khu vực quy hoạch.

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

+ Xác định cơ cấu khu chức năng trong khu vực quy hoạch;

+ Xác định chi tiết chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình; khoảng lùi công trình đối với các trục đường.

+ Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu nối đến mạng lưới đường khu vực sẵn có.

+ Xác định cốt xây dựng đối với khu chức năng.

+ Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng để quản lý đất đai và giải phóng mặt bằng xây dựng.

+ Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết;

+ Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cấp điện; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và hệ thống chiếu sáng;

+ Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước.

3. Nội dung quy hoạch:

3.1. Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

| STT | Hạng mục | Ký hiệu | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ |
|-------------|--------------------------------------|---------|--------------------------------|---------------|
| | | | | (%) |
| 1 | Đất nhà ở liền kề | OLK | 6403.00 | 60.98 |
| 2 | Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác | | 411.00 | 3.91 |
| 3 | Đất giao thông | | 3686.00 | 35.10 |
| TỔNG | | | 10500.00 | 100.00 |

3.2. Chi tiết sử dụng đất quy hoạch:

Bảng chi tiết các chỉ tiêu sử dụng đất

| STT | Hạng mục | Ký hiệu | Diện tích (m ²) | Tầng cao | MĐXD | HSSDD |
|-------------|--------------------------------------|---------|-----------------------------|----------|--------------|------------|
| 1 | Đất nhà ở liền kề | OLK | 6403.00 | 6 | 60% | 3.6 |
| 2 | Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác | | 411.00 | | | |
| 3 | Đất giao thông | | 3686.00 | | | |
| TỔNG | | | 10500.00 | | 36.6% | 2.2 |

3.3. Quy hoạch phân lô

Bảng thống kê lô tổng hợp

| Stt | Loại lô | Số lượng (lô) |
|-----|---------------------------------------|---------------|
| 1 | Lô diện tích từ 120-300m ² | 23 |
| | Tổng | 23 |

Bảng thống kê chi tiết phân lô của được thể hiện trong bảng sau:

| BẢNG CHI TIẾT PHÂN LÔ | | |
|------------------------------|--------|-----------------------------|
| ST T | Tên lô | Diện tích (m ²) |
| 1 | OLK-01 | 300.0 |
| 2 | OLK-02 | 300.0 |
| 3 | OLK-03 | 300.0 |
| 4 | OLK-04 | 300.0 |
| 5 | OLK-05 | 300.0 |
| 6 | OLK-06 | 300.0 |
| 7 | OLK-07 | 300.0 |
| 8 | OLK-08 | 300.0 |
| 9 | OLK-09 | 300.0 |
| 10 | OLK-10 | 284.0 |
| 11 | OLK-11 | 120.0 |
| 12 | OLK-12 | 300.0 |
| 13 | OLK-13 | 300.0 |
| 14 | OLK-14 | 300.0 |
| 15 | OLK-15 | 300.0 |
| 16 | OLK-16 | 300.0 |
| 17 | OLK-17 | 300.0 |
| 18 | OLK-18 | 300.0 |
| 19 | OLK-19 | 300.0 |
| 20 | OLK-20 | 204.0 |

| | | |
|-------------|--------|---------------|
| 21 | OLK-21 | 120.0 |
| 22 | OLK-22 | 285.0 |
| 23 | OLK-23 | 290.0 |
| TỔNG | | 6403.0 |

4. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và yêu cầu về quy hoạch kiến trúc

4.1. Nguyên tắc chung:

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo mỹ quan và công năng sử dụng; hình thành tổng thể kiến trúc hiện đại, hài hòa giữa khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận. Đảm bảo các quy định về khoảng lùi, quy định về đầu nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật với các công trình hiện trạng và khu vực.

- Khai thác có hiệu quả quỹ đất, bảo vệ tài nguyên - môi trường.

4.2. Tổ chức không gian:

Quy hoạch các trục đường kết nối với trục đường liên khu vực vào phía trong khu đất lập quy hoạch, theo đó bố trí các khu ở dọc theo các tuyến đường quy hoạch mới, tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành của Nhà nước.

Các dãy lô đất ở được bố trí với diện tích hợp lý, phù hợp với định mức đất tái định cư cho hộ chính và hộ phụ tại khu vực.

Nhà ở có tầng cao từ 1 - 6 tầng, khuyến khích các dạng nhà ở có mái ngói.

4.3. Kiến trúc:

Hình thức kiến trúc hiện đại, phù hợp với công năng sử dụng, tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành, khuyến khích lợp mái ngói.

4.4. Cảnh quan:

Bố trí không gian cảnh quan hài hoà với không gian cảnh quan đô thị hiện hữu và cảnh quan các dự án xung quanh.

4.5. Yêu cầu về kiến trúc công trình trên mặt đất và công trình ngầm:

Mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ được quy định trong các Bảng 2.8 của QCVN 01:2021/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng” ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng (theo mục 3.2).

Tầng cao: Các công trình xây dựng chiều cao tối đa 6 tầng.

Chiều cao tầng xây dựng:

Chiều cao nhà $\leq 24\text{m}$; số tầng 1-6 tầng; tầng 1: +3,9m so với cốt nền nhà; các tầng còn lại cao +3,6m.

- Cốt nền nhà (± 0.00): So với cốt của tim mặt đường hiện trạng là +0,45m.

- Chỉ giới xây dựng: Lùi $\geq 4\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ đối với công trình xây dựng tại lô đất nhà ở riêng lẻ giáp với các trục đường quy hoạch có lộ giới 13,5m;

- Mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất của lô đất nhà ở liên kế:

- Mật độ xây dựng tối đa thuần của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ được nội suy theo Bảng 2.8 tại Quy chuẩn QCVN:01/2021/BXD.

| Diện tích lô đất (m²/căn nhà) | ≤ 90 | 100 | 200 | 300 | 500 | ≥ 1 000 |
|---|-------------|------------|------------|------------|------------|----------------|
| Mật độ xây dựng tối đa (%) | 100 | 90 | 70 | 60 | 50 | 40 |

Trên cơ sở các chỉ tiêu quy hoạch trên, Chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng, lập phương án thiết kế kiến trúc công trình, trình cấp có thẩm quyền xem xét thống nhất làm cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch tổng mặt bằng phân lô đất ở khu tái định cư.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

* Giải pháp thiết kế san nền: tuân thủ định hướng Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà đã được phê duyệt, phù hợp cao độ hiện trạng khu vực.

* Cao độ thiết kế: Trên cơ sở cao độ hiện trạng của khu vực xung quanh, tham khảo cao độ ngập lụt của vùng, lựa chọn cao độ quy hoạch san nền như sau:

Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức, hướng dốc san nền từ từ trong lô đất dốc ra các tuyến đường bao xung quanh.

Cao độ thiết kế trung bình: +6,15 đến +6,45.

Khối lượng san nền theo bảng sau:

Bảng thống kê khối lượng san nền

| Stt | Hạng mục | S đắp (m²) | H đắp (m) | V đắp (m³) |
|------------|-----------------|------------------------------|------------------|------------------------------|
| 1 | Khu 1 | 6800,00 | 1,65 | 11220,00 |

Tiến hành dọn dẹp cỏ rác sạch sẽ trước khi san lấp.

Phải dùng loại đất đủ tiêu chuẩn và phân khu vực để san từng lớp, chiều dày mỗi lớp đất rải để đầm và số lần đầm phụ thuộc vào loại máy đầm sử dụng, được đầm nén theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

* Giải pháp thoát nước mưa:

- Đầu tư hệ thống thoát nước mặt, đảm bảo yêu cầu thoát nước tự nhiên, không ảnh hưởng các thửa đất sở hữu liền kề.

- Tổ chức hệ thống thoát nước mưa theo từng khu vực, thu gom theo hệ thống cống D600, hướng thoát về phía cửa xả nằm về phía Tây của khu đất lập quy hoạch.

Bảng thống kê khối lượng thoát nước mưa

| Stt | Hạng mục | Số lượng | Đơn vị |
|------------|-----------------|-----------------|---------------|
| 1 | Cống D600 | 239.3 | m |
| 2 | Hố ga | 14 | cái |

6.2. Giao thông:

Tuyến đường nội bộ của khu đất quy hoạch, có lộ giới: 13,5m (3,0m + 7,5m + 3,0m).

Bảng thống kê các tuyến đường quy hoạch

| Stt | Hạng mục | Lộ giới | Mặt cắt |
|-----|----------------------|---------|----------------|
| 1 | Đường quy hoạch số 1 | 13,5m | 3,0m+7,5m+3,0m |
| 2 | Đường quy hoạch số 2 | 13,5m | 3,0m+7,5m+3,0m |
| 3 | Đường quy hoạch số 3 | 13,5m | 3,0m+7,5m+3,0m |

6.3. Cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước: Chi tiêu dùng nước khoảng: Cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngđ.

- Nguồn cấp nước được đầu nối từ đường ống cấp nước hiện trạng.

Tổng nhu cầu dùng nước là khoảng: 30 m³.ng.đ

Cụ thể như sau:

Bảng tính nhu cầu sử dụng nước

| Stt | Hạng mục | Dân số | Chỉ tiêu | Tỷ lệ | Nhu cầu sử dụng nước | Đơn vị |
|--|--------------------------|--------|------------------|-------|----------------------|----------------------------|
| 1 | Nước sinh hoạt | 115 | 180 (l/ngày đêm) | | 20.7 | (m ³ /ngày đêm) |
| 2 | Nước tưới cây, rửa đường | | Nước sinh hoạt | 8% | 1.7 | (m ³ /ngày đêm) |
| 3 | Dự phòng | | | 15% | 3.4 | (m ³ /ngày đêm) |
| Tổng cộng nhu cầu sử dụng nước (làm tròn) | | | | | 30.0 | (m ³ /ngày đêm) |

- Mạng lưới cấp nước thiết kế theo kiểu mạng vòng, cấp nước bằng ống cấp nước HDPE D63 – D110, được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường, cấp nước đảm bảo hiệu quả kinh tế trong suốt quá trình sử dụng.

- Cấp nước chữa cháy: Các họng cứu hỏa bố trí quay ra mặt đường, dọc tuyến đường cách mép vỉa hè không quá 2,5m. Cự ly cách nhau giữa các trụ cứu hỏa là ≤ 150m.

6.4. Cấp điện và chiếu sáng:

* Cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện khoảng 700 kW/người.

- Nguồn điện của khu vực dự kiến được đầu nối với hệ thống cấp điện chạy dọc đường quy hoạch nằm phía Tây Bắc của khu đất.

- Tổng nhu cầu cấp điện khoảng: 116.98 kVA, dự kiến xây dựng mới trạm biến áp công suất máy 120KVA đảm bảo cấp điện cho khu vực.

- Xây dựng đường dây hạ thế 0.4kV sử dụng cáp vặn xoắn LV-ABC bố trí đi nổi trên các cột điện chiếu sáng.

- Bố trí hệ thống điện chiếu sáng cho khu vực. Đường dây chiếu sáng đi nổi dọc theo các trục đường nội bộ. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn led tiết kiệm điện có công suất phù hợp.

Bảng: tính toán nhu cầu cấp điện

| St t | Hạng mục | Khối lượng | Chỉ tiêu | Côn g suất tính toán | Hệ số Cos | Hệ số đồ ng thờ i | Công suất yêu cầu | Côn g suất trạm |
|---------|--|---------------|-------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | (KW/hộ) | (KV) | | | (KVA) | KVA |
| 1 | Điện sinh hoạt (23 hộ) | 23 | 5 | 115 | 0.8 5 | 0.7 5 | 101.47 | |
| 2 | Điện chiếu sáng công viên, đường phố | 3686.0 | 1.5 | 5.53 | 0.8 5 | 0.7 5 | 4.88 | |
| 3 | Dự phòng | | 10% | | | | 10.63 | |
| | Tổng | | | | | | 116.98 | 120 |

6.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn:

- Lượng nước thải phát sinh khoảng: 24.84 m³/ngàyđêm.

Lưu lượng nước thải khoảng: 24.84 (m³).

* Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải của khu quy hoạch 21m³/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại tại mỗi công trình trước khi đổ ra hệ thống thu nước thải nằm dọc theo mương nước giữa 2 khu nhà.

- Thiết kế tuyến ống thoát nước thải HDPE D300 chạy giữa các dãy lô.

- Nước thải được thu gom sau đó được bố trí đầu nổi thoát ra hố ga thoát nước mưa và ra cửa xả.

Bảng thống kê khối lượng thoát nước thải

| Stt | Hạng mục | Số lượng | Đơn vị |
|-----|-----------|----------|--------|
| 1 | Cống D300 | 145.6 | m |
| 2 | Hố ga | 11 | cái |

* Chất thải rắn:

- Chất thải rắn tính cho 1,3 kg/người/ngày, tỷ lệ thu gom 100%. Tổng nhu cầu lượng chất thải rắn cần thu gom: 0,15 tấn/ ngày đêm.

- Chất thải rắn được thu gom chuyên bằng xe chuyên dụng và đưa tới bãi xử lý rác theo quy định.

- Thùng thu rác phải được đặt đúng vị trí quy định, đảm bảo mỹ quan, có kích thước thích hợp với mọi đối tượng, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

6.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động:

* Nhu cầu: có nhu cầu sử dụng mạng viễn thông lớn đạt tỷ lệ 100%.

* Nguồn cấp: Nguồn thông tin: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch dự kiến lấy từ hệ thống cáp quang trung tâm dọc đường hiện trạng của khu đất.

Giải pháp thiết kế: Hệ thống cung cấp thông tin liên lạc được quy hoạch đi nổi kết hợp trên cột điện BTLT xây dựng trong khu quy hoạch. Thiết kế quy hoạch hệ thống hạ tầng thông tin phải đảm bảo nền tảng phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng số.

* Mạng lưới:

Xây dựng mới tủ thông tin liên lạc tổng, từ đó cung cấp đến tủ phân phối của các hạng mục quy hoạch xây mới đặt trong khuôn viên của khu đất để tiện cho việc kiểm tra, đóng cắt, sửa chữa.

Cáp viễn thông được luồn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong mương cáp tín hiệu, các đoạn qua đường luồn trong ống thép mạ kẽm chịu lực, bảo đảm an toàn và mỹ quan của công trình.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2 chịu trách nhiệm về năng lực của đơn vị tư vấn lập quy hoạch; chịu trách nhiệm về tính trung thực về nội dung, các số liệu, tài liệu phục vụ lập quy hoạch được thể hiện trong thuyết minh và bản vẽ của hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế) trình cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; chịu trách nhiệm về việc khảo sát và giải pháp thiết kế hạ tầng kỹ thuật đối với khu vực thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, phù hợp với quy hoạch cấp trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời, thực hiện các công việc sau:

- Chủ trì, phối hợp phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường và các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được chấp thuận để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định.

- Triển khai dự án tuân thủ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận, các quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy và quy định pháp luật có liên quan; thiết kế công trình tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định; thực hiện đầy đủ các thủ tục có liên quan theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trong quá trình thực hiện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 2 phải tuân thủ trình tự, thủ tục về quy hoạch theo quy định hiện hành. Trong đó, cần lưu ý một số vấn đề sau: Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư

phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế) phải phù với Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng, thiết kế, các quy định hiện hành. Công trình nhà ở riêng lẻ phải đảm bảo hài hòa về không gian kiến trúc cảnh quan chung của khu vực. Đảm bảo việc tiêu thoát nước, hạ tầng kỹ thuật trong quá trình xây dựng công trình và không ảnh hưởng đến giao thông, thoát nước chung của khu vực.

- UBND phường Kim Trà giao Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở theo quy hoạch được chấp thuận, kịp thời xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm trật tự xây dựng (nếu có) theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực các bước tiếp theo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phường Kim Trà, thành phố Huế (thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng phục vụ dự án mở rộng đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn (đoạn qua địa bàn thành phố Huế) của UBND phường Kim Trà, để các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND phường;
- CVP, PCVP;
- Phòng KTHT&ĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Lê Hoàng Thịnh